

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2021/HS-ST**
Ngày 12 - 5 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phú;
2. Ông Nguyễn Thiện Hoàn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Huynh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại Hội trường Ủy ban nhân dân thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021, đối với bị cáo:

Huỳnh Văn T (tên khác: Phương), sinh năm 1982, tại huyện An Phú, tỉnh An Giang; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp A, xã KA, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Sửa máy; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; con ông Huỳnh Văn T3, sinh năm 1939 (chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1952; anh em có 05 người, bị cáo là người nhỏ N; có vợ tên Phan Thị Bé H, sinh năm 1982; có 03 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2006.

Nhân Thân: Từ nhỏ sống chung với cha, mẹ tại xã Khánh Bình, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Sau đó lập gia đình đến xã Khánh An sinh sống bằng nghề sửa máy cho đến ngày phạm pháp.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/8/2020 đến nay.

Bị cáo có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn T:* Ông Phan Văn Được; ông Trần Ngọc Phước – Luật sư Văn phòng Luật sư Trần Ngọc Phước, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Ngô Văn N, sinh năm 1988; nơi cư trú: Xóm 02, xã Hải Vân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

2. Ông Vũ Thanh T1, sinh năm 1985; nơi cư trú: Đội 16, xóm 15, xã Hồng T1, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định;

3. Bà Phạm Phụng T2, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số 502/59, đường Thống N, phường 16, quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh;

4. Bà Lê Thị H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Xóm 3, xã Hòa Minh, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận;

5. Anh Huỳnh Thanh S, sinh năm 2003; nơi cư trú: Ấp Bắc Đai, xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang;

6. Bà Phan Thị Bé H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp Bắc Đai, xã Nhơn Hội, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 09/8/2020, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh An Giang phối hợp với Công an huyện An Phú và Công an xã Khánh An tuần tra trên tuyến biên giới Việt Nam – Campuchia. Khi đến đoạn Sông Hậu giáp biên giới Campuchia, tại khu vực bè của Huỳnh Văn T thuộc tổ 19, ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú thì phát hiện T đang đưa Vũ Thanh T1 và Ngô Văn N để lên võ lãi xuất cảnh sang Campuchia trái phép nên tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và tạm giữ của T 03 điện thoại di động, bên trong có 05 sim số.

Quá trình điều tra xác định: Do biết nhiều người có nhu cầu sang Campuchia trái phép trong thời điểm Nhà nước áp dụng nhiều biện pháp chặt chẽ ở khu vực biên giới để phòng, chống dịch Covid-19 nên T và đối tượng tên Trì (ở Campuchia, không rõ nhân thân, địa chỉ cụ thể) cùng tham gia trong đường dây tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép để thu lợi. T là người trực tiếp liên hệ với những người hành nghề chạy xe mô tô chở khách tại địa phương để cùng tham gia đưa rước khách, như: Đinh Văn D, Trần Thị Q, Huỳnh Vũ P. Khi có khách xuất cảnh sang Campuchia, Trì sẽ thông báo cho T biết. T thông báo số lượng, thời gian, địa điểm cho D, Q và Vũ P biết để dùng xe mô tô chở khách và hành lý của khách đến bè của T. Tùy đoạn đường dài hay ngắn, T sẽ trả tiền chở khách cho D, Q và Vũ P từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng.

Ngày 09/8/2020, Trì gọi điện cho T sắp xếp đón Vũ Thanh T1, Ngô Văn N, Lê Thị H, Phạm Phụng T2 đề xuất cảnh trái phép sang Campuchia, tập trung tại bè của T để Trì cho người dùng võ lải đưa sang Campuchia.

Khoảng 16 giờ ngày 09/8/2020, T sử dụng số điện thoại 0388363884 gọi cho T1 vào số 0085590376363, thông báo sẽ có người đến đón T1 và N. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Vũ P và D đến đón T1 và N tại nhà nghỉ Thanh Mai ở thành phố Châu Đốc. Cùng lúc, T dùng số điện thoại 0385951979 gọi vào số 0398481483 của D, gọi vào số 0369454947 của Q và gọi vào số 0867686782 của Vũ P kêu đến trước Phòng khám bệnh tên Thạch – Thúy tại thị trấn An Phú đón T2 và H. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T1 và N đến bè nuôi cá của T thì T tổ chức cùng T1, N ngồi nhậu. Lúc này, Trì kêu Nguyễn Văn H1 chạy võ lải từ Campuchia đến bè của T để chở khách. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T kêu T1 và N lên võ lải để H1 chở sang Campuchia thì bị bắt quả tang.

Cùng thời điểm này, Q đang chở H thì nhận được điện thoại của T kêu dừng chở khách xuống thì Q dừng xe cho H xuống tại bến đò Cây Me (thuộc xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang), còn Vũ P và D trên đường chở T2 cùng hành lý về bè của T thì bị lực lượng Công an mời làm việc.

Ngày 14/8/2020, T bị khởi tố, tạm giam để điều tra.

Cáo trạng số: 26/CT-VKSAG-P1 ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố bị cáo Huỳnh Văn T (Phương) về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Huỳnh Văn T không thừa nhận hành vi phạm tội. T cho rằng không thực hiện hành vi như nội dung cáo trạng đã nêu. T khai có điện thoại cho Q nhưng chỉ mua cà phê, không điện thoại cho T1, D và Vũ P vào chiều ngày 09/8/2020. T thừa nhận có cùng N và T1 nhậu tại bè nuôi cá của ông C (cặp với bè sữa máy của T), khi đó ông C không có trên bè. T xác định không quen biết với N và T1, khi N và T1 đến bè rủ nhậu thì T nhậu cùng. T cũng không thừa nhận điện thoại di động hiệu Nokia, màu cam là của T. T cho rằng điện thoại Nokia, màu cam là T nhặt trên bè của ông C, định hôm sau trả lại cho ông C.

- Huỳnh Thanh S khai: S là con của bị cáo T, do sự việc đã lâu nên S không nhớ các lời khai tại Cơ quan An ninh điều tra. Bị cáo T sử dụng những điện thoại nào S không nhớ. S không biết việc bị cáo T đưa người sang Campuchia.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người vắng mặt; công bố lời khai ngày 13/8/2020 của T; lời khai của Huỳnh Thanh S tại Cơ quan An Ninh điều tra. Bị cáo T và S cho rằng không nhớ các lời khai này. Đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa không có ý kiến về các lời khai mà Hội đồng xét xử công bố. Đồng thời, Hội đồng xét xử công bố Kết luận giám định số 161/KLGD-

PC09 (KTSĐT) ngày 01/10/2020 cùng Bản Phụ lục liên quan các số điện thoại gọi đi, gọi đến; việc nhận dạng điện thoại. Bị cáo T, S không có ý kiến.

Trong lời luận tội, Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; tình hình an ninh trật tự; mức độ nguy hiểm của hành vi và nhân thân bị cáo, đã đề nghị tuyên bị cáo Huỳnh Văn T phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; Đề nghị căn cứ các điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng còn lại trong vụ án. Đồng thời đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Quan điểm của người bào chữa: Luật sư Phan Văn Được cho rằng bị cáo T không có phương tiện đưa rước người từ Việt Nam sang Campuchia. Những người này đến bè của T và chỉ nhập tại bè của T, T chưa đưa người sang Campuchia. Đồng thời quá trình điều tra cũng chưa chứng minh được T có nhận lợi ích vật chất. Từ đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét T không phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

Đôi đáp của đại diện Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát không thống nhất với quan điểm của Luật sư là T không có phương tiện; chỉ cùng N, T1 nhập, chưa sang Campuchia là chưa phạm tội. Bởi có đủ căn cứ xác định T có có câu kết với Trĩ; điện thoại chỉ dẫn cho D, Q, P đón khách và trả công; H1 chuẩn bị vỏ lãi đậu sẵn để đưa khách sang Campuchia. Việc bị cáo chưa nhận được tiền là do chưa đưa được các đối tượng trên sang Campuchia theo thỏa thuận là ngoài ý muốn của bị cáo. Do đó có đủ căn cứ xác định T phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

Bị cáo T không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận có thực hiện hành vi sai trái, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng đã thực hiện được xác định hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Văn N, Vũ Thanh T1, Phạm Phụng T2, Lê Thị H, Phan Thị Bé H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án; lời khai của những người này đã được công bố tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến. Xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1.3] Về việc vắng mặt của người bào chữa: Luật sư Trần Ngọc Phước có đơn xin hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, tại phiên tòa đã có Luật sư Phan Văn Được công tác cùng Văn phòng luật sư với Luật sư Phước bào chữa cho bị cáo; bị cáo T cũng đồng ý tiến hành xét xử vắng mặt Luật sư Phước. Hội đồng xét xử xét thấy việc xét xử vắng mặt Luật sư Phước vẫn đảm bảo quyền được bào chữa của bị cáo T, phù hợp quy định Điều 291 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập lúc 18 giờ 30 phút ngày 09/8/2020 tại Công an xã Khánh An; Kết luận giám định số 161/KLGĐ-PC09 (KTSĐT) ngày 01/10/2020 cùng Bản Phụ lục liên quan các số điện thoại gọi đi, gọi đến; hình ảnh, tin nhắn trong các điện thoại của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang; Công văn phúc đáp số 3090/CNVTĐQ-TTKT ngày 09/10/2020 cùng báo cáo chi tiết lịch sử cuộc gọi của các thuê bao 342656522, 369454947, 385951979, 388363884, 389481483, 867686782, 989771871 của Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội; lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án Ngô Văn N, Vũ Thanh T1, Lê Thị H, Đinh Văn D; lời khai của Trần Thị Q, Huỳnh Vũ P, Nguyễn Văn P1, Nguyễn Văn H1; Huỳnh Thanh S (con bị cáo T); lời khai người làm chứng Nguyễn Văn C, Lê Thị M, Phan Thị Bé H; lời khai ban đầu của Huỳnh Văn T (lời khai ngày 13/8/2020); cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, có cơ sở xác định:

Vào lúc 16 giờ 11 phút, ngày 09/8/2020, T sử dụng số điện thoại 0388363884 gọi cho T1 vào số 0085590376363, thông báo sẽ có người đến đón T1 và N. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Vũ P và D đến đón T1 và N tại nhà nghỉ Thanh Mai ở thành phố Châu Đốc. Từ 17 giờ 01 phút đến 18 giờ 10 phút, T dùng số điện thoại 0385951979 liên lạc qua lại với D, Q và Vũ P theo các số 0398481483, 0369454947, 0867686782 kêu đến trước phòng khám bệnh tên Thạch – Thúy tại thị trấn An Phú đón T2 và H. Khoảng 18 giờ cùng ngày, T1 và N đến bè của T. T, N, T1 tổ chức nhậu tại bè ông C (cặp bè của T) để chờ T2, H đến cùng đi. Do chờ lâu, đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T kêu T1 và N lên vỏ lãi để Hùng chở sang Campuchia thì bị bắt quả tang. Cùng thời điểm này, Q đang chở H đến khu vực bến đò Cây Me (thuộc xã Quốc Thái, huyện An Phú, tỉnh An Giang), còn Vũ P và D trên đường chở T2 cùng hành lý về bè của T cũng bị lực lượng Công an mời làm việc.

Đồng thời có đủ căn cứ xác định, 03 điện thoại trong đó có 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu cam là của T, T đồng thời sử dụng cả 05 sim số 0385 951979, 0989 771 871, 0342656522, 0388363884, 0836846183. Từ đó xác định lời khai nại của bị cáo T tại phiên tòa là không có căn cứ.

Hội đồng xét xử không thống nhất với quan điểm bào chữa của vị Luật sư, bởi có đủ căn cứ bị cáo T có câu kết với Trì; điện thoại chỉ dẫn cho D, Q, P đón khách và trả công; H1 chuẩn bị vỏ lãi đậu sẵn để đưa khách sang Campuchia. Các tình tiết này đã được D, Q, Vũ P, H1, T1, N, T2, H khai rõ. Việc bị cáo chưa nhận được tiền là do chưa đưa được các đối tượng trên sang Campuchia theo thỏa thuận, là ngoài ý muốn của bị cáo. Hành vi bị cáo điện thoại trao đổi với Trì; điện thoại cho T1, Q, D, Vũ P hẹn điểm, tổ chức đón, rước đưa xuống bè của T để H1 dùng vỏ lãi đưa sang Campuchia là đã hoàn thành về mặt hành vi khách quan. Việc chưa đưa được T1, N, T2, H sang Campuchia là do bị cơ quan chức năng phát hiện, ngăn chặn.

Từ đó có cơ sở kết luận: Ngày 09/8/2020, Huỳnh Văn T có hành vi câu kết với người tên Trì ở Campuchia tổ chức đưa Ngô Văn N, Vũ Văn T1, Phạm Phụng T2, Lê Thị H từ Việt Nam sang Campuchia thì bị bắt quả tang vào lúc 18 giờ 30 phút tại bè của T, thuộc ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Bị cáo T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết việc tổ chức đưa người khác xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích vụ lợi T đã cố ý thực hiện. Hành vi của Huỳnh Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*"; tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự. Xác định, truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đối với bị cáo Huỳnh Văn T theo Cáo trạng số 26/CT-VKSAG-P1 ngày 31 tháng 3 năm 2021 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ngoài ra, theo lời khai của Đinh Văn D, Trần Thị Q, Huỳnh Vũ P thì trước đó có khoảng 07 lần chở khách xuất cảnh trái phép S Campuchia và ngược lại theo yêu cầu của T, được T trả tiền công từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng/chuyến. Do chưa xác định được họ, tên; địa chỉ những người xuất cảnh, nhập cảnh các lần này nên Viện kiểm sát không truy tố đối với T các lần theo lời khai của D, Q, Vũ P là có căn cứ.

[2.2] Hành vi của bị cáo Huỳnh Văn T là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh nói riêng, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nói chung; vi phạm quy định của Chính phủ về thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid - 19. Hành vi của bị cáo còn có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, an toàn của cộng đồng.

[2.3] Nguyên nhân bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do ý thức chấp hành pháp luật kém; là người ở khu vực biên giới, thường xuyên qua lại nên rành đường. Đồng thời, việc đưa người xuất cảnh trái phép thu được nhiều tiền, nên khi Trì liên hệ thì bị cáo nhận lời và thực hiện hành vi phạm tội, nhưng chưa đưa được N, T1, T2, H sang Campuchia và chưa nhận được tiền. Động cơ, mục

đích thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo là vì lợi ích vật chất, không vì lợi ích khác.

[2.4] Cách thức tổ chức đưa người xuất cảnh của bị cáo tương đối tinh vi. Bị cáo sử dụng nhiều số điện thoại, móc nối với các đối tượng chạy xe mô tô chở khách để chở khách, chở hành lý riêng, nhằm tránh phát hiện của cơ quan chức năng. Bị cáo lợi dụng việc thuộc địa hình biên giới giữa Việt Nam và Campuchia, móc nối với Trì (ở Campuchia) để tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép. Theo kết quả điều tra thì bị cáo đã thực hiện việc này trong thời gian dài, đã nhiều lần thực hiện, nhưng do không có thông tin gì về những người mà bị cáo tổ chức cho xuất cảnh, nhập cảnh trái phép trước đó nên chưa đủ căn cứ xử lý. Đối với lần tổ chức đưa N, T1, T2, H bị bắt quả tang ngày 09/8/2020 thì bị cáo chưa đưa được những người này sang Campuchia là do bị cơ quan chức năng phát hiện, ngăn chặn; bị cáo chưa thu được tiền thì bị bắt.

[2.5] Bên cạnh hành vi phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” của bị cáo T, thì còn có nhiều người khác có nhu cầu xuất cảnh, nhập cảnh, ý thức pháp luật kém, cố tình vi phạm, đã gây khó khăn cho lực lượng chức năng trong việc kiểm soát người xuất cảnh, nhập cảnh; gây hoang mang, bức xúc trong nhân dân. Trong khi mọi người dân đang ra sức thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, trong đó đặc biệt là công tác quản lý xuất cảnh, nhập cảnh. Kể từ khi xảy ra dịch Covid-19 đến nay, cả hệ thống chính trị, nhân dân An Phú nói riêng, tỉnh An Giang nói chung, trong đó đặc biệt là các lực lượng Bộ đội Biên phòng, Công an, Quân đội ...đang ngày đêm túc trực canh gác theo các tuyến biên giới, kiểm soát chặt người qua lại biên giới, nhằm phòng, chống lây lan dịch bệnh, đảm bảo an toàn xã hội thì bị cáo lại có hành vi đi ngược lại với chủ trương của Chính phủ về thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch; đi ngược lại với lợi ích chung của cộng đồng. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về hình phạt chính:

Về nhân thân: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo nhiều lần thay đổi lời khai; khai nại không liên lạc với T1, D, Q, Vũ P; không thừa nhận tổ chức đưa N, T1, T2 H sang Campuchia. Tuy nhiên, sau phần xét hỏi và khi Hội đồng xét xử công bố các lời khai, chi tiết các cuộc gọi và các tài liệu, chứng cứ khác xác định bị cáo có thực hiện các hành vi như Cáo trạng truy tố, thì đến phần nói lời sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi sai trái, xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng tình tiết giảm nhẹ “thật thà khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải”

quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tuy nhiên, trong tình hình đại dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp, thì hành vi tổ chức đưa người xuất cảnh trái phép của bị cáo là rất nguy hiểm, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, cần được xử lý nghiêm.

Từ phân tích trên, xét thấy đề nghị về mức hình phạt của vị đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là có căn cứ. Cần thiết áp dụng hình phạt nghiêm, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thêm một thời gian nữa, nhằm có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo để bị cáo nhận thức được hành vi sai trái, khắc phục, sửa đổi; trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội về sau.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Đối với đối tượng tên Trì hiện đang sống ở Campuchia, không rõ họ, tên, địa chỉ cụ thể nên không thể tiến hành xác minh. Kiến nghị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh An Giang tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý theo quy định.

- Đối với Đinh Văn D, Trần Thị Q và Huỳnh Vũ P đều là những người hành nghề chạy xe mô tô chở khách ở địa phương và có hành vi tham gia chở những người có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Campuchia theo yêu cầu của T và có thu lợi. Tuy nhiên trong vụ án này chưa làm rõ. Kiến nghị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh An Giang tiếp tục điều tra, làm rõ để xử lý theo quy định.

- Đối với Vũ Thanh T1, Ngô Văn N, Lê Thị H, Phạm Phụng T2 có hành vi xuất cảnh trái phép sang Campuchia; tất cả đều chưa có tiền án, tiền sự nên Cơ quan An ninh điều tra đã giao cho Công an huyện An Phú, tỉnh An Giang để xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng thu giữ còn lại trong vụ án gồm: 03(ba) điện thoại kèm theo 05 (năm) sim số, được xác định là của bị cáo Huỳnh Văn T đã sử dụng liên hệ móc nối trong việc tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép, được xác định là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[7] Về chi phí tố tụng:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo và những người tham gia tố tụng không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn T (tên khác: Phương) phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T (tên khác: Phương) 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 09/8/2020 (ngày chín tháng tám năm hai nghìn không trăm hai mươi).

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ các điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO Reno 3, màu đen, số Imei 1: 860202043566190, số Imei 2: 860202043566182;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu NoKia, màu cam, số Imei 1: 3577151103658078, số Imei 2: 3577151103658077;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung S9, màu tím, số Imei: 353524090741192;

- 05 (năm) sim số gồm: 0385 951979, 0989 771 871, 0342 656522, 0388 363 884, 0836 846 183.

(Hiện do Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh An Giang lưu giữ).

4. Về án phí:

Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Bị cáo Huỳnh Văn T (Phương) phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Án tuyên công khai có mặt bị cáo Huỳnh Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn S. Thời hạn kháng cáo của bị cáo T, anh S là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/5/2021).

Thời hạn kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Văn N, Vũ Văn T1, Phạm Phụng T2, Lê Thị H là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện An Phú (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Trại tạm giam (1);
- CQ An ninh điều tra (1);
- Phòng hồ sơ (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (1);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (1);
- Bị cáo (1);
- Người liên quan (4);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Sáu